

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG SUNRED
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG SUNRED

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: SUNRED SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SUNRED SUPPLY.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109122623

3. Ngày thành lập: 10/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Cụm LK7-SH17 L TT101A-15, khu tập thể An Nam đô thị cũ K Tm 1 Nam An
Khu vực phân mục khu B (Vinhomes Thuận Long), Xã An Khánh, Huyện Hoàng
Liêu, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý nước	4101(Chính)
2.	Xử lý nước thải	4102
3.	Lắp đặt thiết bị	4321
4.	Lắp đặt thiết bị cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
5.	Lắp đặt thiết bị điện khác Chi tiết: - Lắp đặt thiết bị thi công các công trình điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí hoặc các công trình khác trong các công trình nhà ở và công trình khác thu hút dân cư, bao gồm các bộ phận, thiết bị và phụ kiện. - Lắp đặt thiết bị thi công trong các công trình nhà ở và công trình điện khác như: Thang máy, thang cuốn; Cầu thang, cửa ra vào; Hệ thống chiếu sáng; Hệ thống thông gió; Hệ thống điều hòa không khí; Hệ thống camera giám sát; Hệ thống thi công dụng cụ vui chơi giải trí; Hệ thống chiếu sáng, chiếu âm thanh, chiếu hình ảnh.	4329
6.	Hoàn thiện công trình kiến trúc	4330
7.	Xử lý công trình kiến trúc	4211
8.	Xử lý công trình kiến trúc	4212
9.	Xử lý công trình kiến trúc	4221
10.	Xử lý công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xử lý công trình vệ sinh, thông tin liên lạc	4223

12.	X d ng c ng tr nh c ng ch kh c Chi ti t: - X d ng c ng tr nh l b n. - X d ng c c c ng tr nh c ng ch kh c ch a c ph n v o u.	4229
13.	X d ng c ng tr nh k thu t d n d ng kh c	4299
14.	Ph d	4311
15.	Chu n b m t b ng	4312
16.	Tho t n c v l n c th i	3700
17.	S n u t v t li u d ng t t s t	2392
18.	S n u t g d ng	1622
19.	S n u t s n ph m kh c t g ; s n u t s n ph m t tre, n a, r m, r v v t li u t t b n	1629
20.	Nh h ng v c c d ch v n u ng ph c v l u ng	5610
21.	Cung c p d ch v n u ng theo h p ng kh ng th ng u n v i kh ch h ng	5621
22.	D ch v n u ng kh c	5629
23.	D ch v ph c v u ng	5630
24.	B n bu n kim lo i v qu ng kim lo i (Tr kinh doanh v ng)	4662
25.	B n bu n v t li u, thi t b l p t kh c trong d ng Chi ti t: - B n bu ng c , tre, n a; - B n bu n s n ph m g s ch ; - B n bu n s n v v c ni; - B n bu n v t li u d ng nh : c t, s i; - B n bu n k nh ph ng; - B n bu n ng kim v kho ; - B n bu n ng n i, kh p n i v chi ti t l p gh p kh c; - B n bu n b nh un n c n ng; - B n bu n thi t b v sinh nh : B n t m, ch u r a, b , s v sinh kh c; - B n bu n thi t b l p t v sinh nh : ng, ng d n, kh p n i, v i, c t ch T, ng cao su,...; - B n bu ng ch p l t v thi t b v sinh; - B n bu n d ng c c m ta : B a, c a, tua v t, d ng c c m tay khác.	4663

26.	B n bu n d ng kh c cho gia nh Chi ti t: - B n bu n i ng gia d ng, n v b n i n; - B n bu n h ng g m, s , th tinh; - B n bu n n c hoa, h ng m ph m v ch ph m v sinh; - B n bu n vali, c p, t i, v , h ng da v gi da kh c; - B n bu n d ng c t (Tr r ng gi , k nh thu c); - B n bu n gi ng, t , b n gh v d ng n i th t t ng t ; - B n bu n s ch, b o, t p ch , v n ph ng ph m	4649
27.	B n bu n v i, h ng ma m c, gi d p Chi ti t: - B n bu n v i; - B n bu n th m, m, ch n, m n, r m, ga tr i gi ng, g i v h ng d t kh c; - B n bu n h ng ma m c; - Bán buôn giày dép	4641
28.	B n bu n t ng h p	4690
29.	B n l ng kim, s n, k nh v thi t b l p t kh c trong d ng trong c c c a h ng chu n doanh Chi ti t: - B n l ng kim trong c c c a h ng chu n doanh; - B n l s n, m u, v c ni trong c c c a h ng chu n doanh; - B n l k nh d ng trong c c c a h ng chu n doanh; - B n l i m ng, g ch , ng i, , c t s i, s t th p v v t li u d ng kh c trong c c c a h ng chu n doanh; - B n l g ch p l t, thi t b v sinh trong c c c a h ng chu n doanh	4752
30.	B n l m vi t nh, thi t b ngo i vi, ph n m m v thi t b vi n th ng trong c c c a h ng chu n doanh	4741
31.	Cho thu e c ng c Chi ti t: - Cho thuê ô tô; - Cho thu e c ng c kh c	7710
32.	Cho thu m m c, thi t b v d ng h u h nh kh c kh ng k m ng i i u khi n Chi ti t: - Cho thu m m c, thi t b d ng kh ng k m ng i i u khi n; - Cho thu m m c, thi t b v n ph ng (k c m vi t nh) kh ng k m ng i i u khi n; - Cho thu m m c, thi t b v d ng h u h nh kh c, kh ng k m ng i i u khi n ch a c ph n v o u	7730

33.	V n t i h n g h a b n g n g b Chi ti t: - V n t i h n g h a b n g t chu n d n g; - V n t i h n g h a b n g t lo i kh c (tr t chu n d n g)	4933
34.	Ho t n g t v n qu n l (Kh n g bao g m t v n ph p lu t, t i ch nh, k to n, thu , ch n g kho n)	7020
35.	Ho t n g thi t k chu n d n g Chi ti t: - D ch v thi t k th ; - Ho t n g trang tr n i th t.	7410
36.	Ki m tra v ph n t ch k thu t	7120
37.	Ho t n g ki n tr c v t v n k thu t c li n quan Chi ti t: - Ho t n g ki n tr c: + D ch v t v n ki n tr c g m: thi t k v ph c th o c n g tr nh; l p k ho ch ph t tri n th v ki n tr c c nh quan; + Thi t k m m c v thi t b ; + Thi t k k thu t v d ch v t v n cho c c d n li n quan n k thu t d n d n g, k thu t n g n g, ki n tr c giao thông. + Gi m s t thi c n g d n g c b n. - Ho t n g o c v b n .	7110

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

M nh gi c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN VĂN HÙNG	P203-CT1-K T M nh - M Tr , Ph ng M nh 1, Qu n Nam T Li m, Th nh ph H N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	200.000	2.000.000.000	40,000	036077000246	
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	200.000	2.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN QUANG HÙNG	T 11 , Ph ng B , Qu n Long Biên, Thành ph H N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	100.000	1.000.000.000	20,000	012088235	
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	100.000	1.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN C DI N	P206C, B3, t 26 Nghĩa, Ph ng Nghĩa , Quận C u Gi , Th nh ph H N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0360760031 69
			C ph n u i bi u	0	0	0,000	
			qu t				
			C ph n u i c t c	0	0	0,000	
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000	
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000	
			T ng s	200.000	2.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* H v t n: PHAN V N H NG

Gi i t nh: Nam

Ch c danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/01/1977

D n t c: Kinh

Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi t ch ng th c c nh n: Chứng minh nhân dân

S gi ch ng th c c nh n: 036077000246

Ng c p: 15/04/2015

N i c p: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

N i ng k h kh u th ng tr : P203-CTI-KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ch hi n t i: P203-CTI-KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Ph ng ng k kinh doanh Th nh ph H N i